

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

Bản án số: 69/2020/HS-PT
Ngày 09-9-2020

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Hà Nam

Các Thẩm phán: Ông Lê Hoài Nam

Bà Mai Thị Minh Hồng

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Lan Anh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Bà Lê Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 69/2020/TLPT-HS ngày 03 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo Bùi Văn Q và các bị cáo khác, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 32/2020/HS-ST ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Bùi Văn Q**, sinh năm: 1978; nơi cư trú: Xóm 3, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Bằng Đ, sinh năm 1949 và bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1947; có vợ là Vũ Thị X, sinh năm 1985 và 04 con, con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 16/10/2019 đến ngày 25/10/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; hiện tại ngoại.

2. **Trần Văn Tr**, sinh năm 1983; nơi cư trú: Xóm 6, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Y, sinh năm 1951 và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1952; có vợ là Đỗ Thị Th, sinh năm 1985 và 04 con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án: Không; tiền S: Ngày 13/12/2018, bị Công an huyện Nghĩa Hưng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc; bị bắt tạm giữ từ ngày 16/10/2019 đến ngày 25/10/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện tại ngoại.

3. **Nguyễn Đức Văn**, sinh năm 1972; nơi cư trú: Xóm 6, xã Nam Điền, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Luật và bà Trần Thị Loan (đều đã chết); có vợ là Trần Thị La, sinh năm 1977 và 02 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 1999; tiền án: Không; tiền S: Ngày 13/12/2018, bị Công an huyện Nghĩa Hưng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc; bị bắt tạm giữ từ ngày 16/10/2019 đến ngày 25/10/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện tại ngoại.

4. **Ngô Văn S**, sinh năm 1969; nơi cư trú: Xóm 6, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn C2 và bà Vũ Thị S1 (đều đã chết); có vợ là Phạm Thị U, sinh năm 1970 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 1990, con nhỏ nhất sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 20/11/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng xử phạt 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm về tội “Đánh bạc”, bị tạm giữ từ ngày 16/10/2019 đến ngày 25/10/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện tại ngoại.

Ngoài ra còn có 07 bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng nghị bao gồm: Nguyễn Văn C, Trần Văn T, Lê Văn H, Phạm Văn C1, Trịnh Văn Ph, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn T1.

Tại phiên tòa các bị cáo Tr, S có mặt. Các bị cáo Q, Văn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 15/10/2019, Bùi Văn Q cùng với Trịnh Văn Ph, Nguyễn Văn L và Phạm Văn C1 đi bộ đến lều trông coi đầm tôm của Ngô Văn S để uống nước. Đến nơi, không có S ở lều, thấy trên bàn có sẵn bộ bài tú lơ khơ 52 quân, Ph rủ Q, C1, L chơi phỏm quỳ. Ph cầm bộ bài xuống chiếu trải sẵn trong lều để chơi. Chơi được khoảng 4 ván, Q rủ Ph, C1 và L chơi đánh liêng ăn tiền, góp “gà” 2.000 đồng. Ph và C1 đồng ý còn L không có tiền nên không tham gia chơi, chỉ ngồi xem. Khi chơi, mọi người quy định mỗi người bỏ ra 2.000 đồng, gọi là tiền “góp gà” để vào giữa. Mỗi người chơi được chia ba quân bài từ bộ bài tú lơ khơ 52 quân, số bài còn lại bỏ vào giữa gọi là “lọc”, người thắng được cầm cái, chia bài và được đánh trước rồi lần lượt đến người kế tiếp bên phải. Mỗi lần đánh thấp nhất là 10.000 đồng, cao nhất là 50.000 đồng gọi là “tố”. Những người chơi có thể “tố” bằng hoặc cao hơn hoặc không tham gia “tố” và úp bài vào lọc. Khi không ai “tố” nữa thì hạ bài tính thắng thua. Theo quy định, bài cao nhất là “sáp”

có ba quân bài giống nhau khác chất, lớn nhất là AAA, nhỏ nhất 222; tiếp theo là “liêng” có ba quân tiến đều nhau, có thể cùng chất hoặc khác chất, lớn nhất là QKA, nhỏ nhất là A23; tiếp đến “ảnh” (có ba quân bài đều là hình, không phải liêng hay sấp); sau cùng là tính điểm (cộng ba quân bài tính điểm, quân hình và quân 10 tính 0 điểm), cao nhất là 9 điểm, nhỏ nhất là 0 điểm. Nếu nhiều người có “liêng”, “ảnh” hoặc điểm giống nhau thì tính theo chất từ cao xuống thấp là cơ, rô nhép, bích. Người thắng sẽ được hết số tiền “gà” và số tiền người chơi đã “tổ” ra.

Chơi đến khoảng 22 giờ 20 phút cùng ngày thì Nguyễn Văn T vào tham gia chơi. Q bảo nâng góp “gà” lên 10.000 đồng, C1, Ph, T đồng ý. Đến khoảng 22 giờ 25 phút cùng ngày thì Nguyễn Văn Đ vào tham gia chơi cũng với cách chơi như trên. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày thì Nguyễn Đức V vào tham gia chơi. Khoảng 22 giờ 40 phút cùng ngày có Nguyễn Văn C và Lê Văn H đến tham gia chơi. Khoảng 22 giờ 45 phút cùng ngày có Trần Văn Tr và Trần Văn T vào tham gia chơi. Khoảng 22 giờ 50 phút Ngô Văn S đến lều coi đằm tôm, thấy nhiều người đang đánh bài, sau đó S vào tham gia chơi.

Đến khoảng 23 giờ 15 phút ngày 15/10/2019 thì tổ công tác Công an huyện Nghĩa Hưng phát hiện, bắt quả tang. Thu giữ trên chiếu bạc 01 bộ tú lơ khơ 52 quân và 2.540.000 đồng (có 220.000 đồng tiền ở giữa chiếu là tiền góp “gà” và 2.320.000 đồng là tiền trên chiếu, ở trước mặt các đối tượng) trong đó có 2.440.000 đồng là tiền các đối tượng sử dụng để đánh bạc còn 100.000 đồng là tiền C1 rút ra từ tiền nộp hội trong túi áo vứt xuống chiếu bạc, không sử dụng đánh bạc. Thu giữ trên người các đối tượng tổng số tiền 18.980.000 đồng, trong đó có 3.380.000 đồng là tiền các đối tượng sử dụng để đánh bạc gồm: Ngô Văn S 370.000 đồng, Lê Văn H 410.000 đồng, Trần Văn Tr 700.000 đồng, Nguyễn Văn C 600.000 đồng, Bùi Văn Q 600.000 đồng, Trần Văn T 700.000 đồng đều là tiền S, H, Tr, C, Q, T sử dụng để đánh bạc, Phạm Văn C1 15.600.000 đồng là tiền C1 mang đi nộp hội cho anh Trần Văn K và chị Đoàn Thị M đều ở xóm 5, xã N, không sử dụng để đánh bạc. Thu giữ tại gầm giường trong lều, S có 4.040.000 đồng; tại khu vực sát chân tường bên phải cửa ra vào lều, C có 700.000 đồng đều là tiền S và C sử dụng để đánh bạc. Tổ Công tác Công an huyện Nghĩa Hưng đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang tại lều coi đằm tôm của Ngô Văn S.

Các bị cáo nhận tội và khai nhận về hành vi phạm tội của mình như sau:

Bùi Văn Q: Khoảng 22 giờ 10 phút, ngày 15/10/2019, Q rủ Ph, C1, L chơi đánh liêng ăn tiền tại lều coi đằm tôm của S. Ph, C1 đồng ý chơi, L không tham gia chơi. Khi chơi liêng, Q sử dụng 630.000 đồng để đánh bạc. Số tiền 2.440.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc là tiền các đối tượng sử dụng để đánh bạc, trong đó Q có 10.000 đồng là tiền góp “gà” ở giữa chiếu. Số tiền 3.380.000 đồng thu trên người các đối tượng là tiền sử dụng để đánh bạc, trong đó Q có 600.000 đồng là tiền Q sử dụng để đánh bạc.

Trần Văn Tr: Khi chơi liêng, Tr sử dụng 800.000 đồng để đánh bạc. Số tiền 2.440.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc là tiền các đối tượng sử dụng để đánh bạc, trong đó Tr có 10.000 đồng là tiền góp “gà” ở giữa chiếu. Số tiền 3.380.000 đồng thu trên người các đối tượng là tiền sử dụng để đánh bạc, trong đó Tr có 700.000 đồng, là tiền Tr sử dụng để đánh bạc.

Nguyễn Đức V: Khi chơi liêng, V sử dụng 150.000 đồng để đánh bạc. Số tiền 2.440.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc là tiền các đối tượng sử dụng để đánh bạc, trong đó V có 10.000 đồng là tiền góp “gà” ở giữa chiếu.

Ngô Văn S: Khi chơi liêng, S sử dụng 5.000.000 đồng để đánh bạc. Số tiền 2.440.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc là tiền các đối tượng sử dụng để đánh bạc, trong đó S có 10.000 đồng là tiền góp “gà” ở giữa chiếu, 880.000 đồng là tiền S để trước mặt ở trên chiếu. Số tiền 3.380.000 đồng thu trên người các đối tượng là tiền sử dụng để đánh bạc, trong đó S có 370.000 đồng, là tiền S sử dụng để đánh bạc. Thu giữ tại gầm giường trong lều do S ném vào số tiền 4.040.000 đồng là tiền S sử dụng để đánh bạc.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2020/HS-ST ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Bùi Văn Q, Trần Văn Tr, Nguyễn Đức V, Nguyễn Văn C, Trần Văn T, Lê Văn H, Phạm Văn C1, Trịnh Văn Ph, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn T được áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Nguyễn Văn C, Trần Văn T, Lê Văn H áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Phạm Văn C1, Trịnh Văn Ph, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn T áp dụng thêm Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn Q, Trần Văn Tr, Nguyễn Đức V, Ngô Văn S, Nguyễn Văn C, Trần Văn T, Lê Văn H, Phạm Văn C1, Trịnh Văn Ph, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn T1 phạm tội “Đánh bạc”.

1. Xử phạt bị cáo Bùi Văn Q 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Bị cáo được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 16/10/2019 đến ngày 25/10/2019.

2. Xử phạt bị cáo Trần Văn Tr 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Bị cáo được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 16/10/2019 đến ngày 25/10/2019.

3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức V 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Bị cáo được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 16/10/2019 đến ngày 25/10/2019.

4. Xử phạt bị cáo Ngô Văn S 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Bị cáo được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 16/10/2019 đến ngày 25/10/2019.

5. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án, ngày 17/6/2020. (Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/10/2019 đến ngày 25/10/2019).

6. Xử phạt bị cáo Trần Văn T 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án, ngày 17/6/2020. (Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/10/2019 đến ngày 25/10/2019).

7. Xử phạt bị cáo Lê Văn H 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án, ngày 17/6/2020. (Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/10/2019 đến ngày 25/10/2019).

8. Xử phạt bị cáo Phạm Văn C1 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

9. Xử phạt bị cáo Trịnh Văn Ph 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

10. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

11. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

Ngoài ra Bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, nghĩa vụ nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo.

Ngày 19/6/2020 bị cáo Nguyễn Đức V và bị cáo Ngô Văn S kháng cáo xin giảm hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 22/6/2020 bị cáo Bùi Văn Q và bị cáo Trần Văn Tr kháng cáo xin giảm hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Bùi Văn Q, Nguyễn Đức Văn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị cáo Trần Văn Tr vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo.

Bị cáo Ngô Văn S rút một phần nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; giữ nguyên kháng cáo về việc xin được hưởng án treo.

Điền Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định kết luận về vụ án: Đơn kháng cáo của các bị cáo trong thời hạn luật định, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Xét kháng cáo của các bị cáo Bùi Văn Q, Nguyễn Đức V, Trần Văn Tr, cho thấy cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo là đúng người, đúng tội. Mức hình phạt 09 tháng tù giam mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của các bị cáo; vị trí vai trò, nhân thân của các bị cáo trong vụ án. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Xét kháng cáo của bị cáo Ngô Văn S cho thấy. Trong vụ án này bị cáo S chỉ là kẻ đồng phạm; mặc dù năm 2013 bản thân S đã bị xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”; nhưng tính đến ngày phạm tội lần này bị cáo đã được đương nhiên xóa án tích và thuộc trường hợp được coi là không có án tích. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm bản thân bị cáo S có đơn trình bày điều kiện, hoàn cảnh khó khăn, xin được cải tạo tại địa phương, đơn có xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú của bị cáo; do vậy cần coi đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để áp dụng đối với bị cáo. Xét thấy bị cáo S có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có khả năng tự cải tạo tại địa phương, có đủ điều kiện để được hưởng án treo. Vì vậy căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo S, sửa bản án sơ thẩm cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên có sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được cơ quan điều tra thu thập và qua quá trình xét hỏi tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm, xét thấy Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định đã xét xử các bị cáo Bùi Văn Q, Trần Văn Tr, Nguyễn Đức V, Ngô Văn S về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS là đúng người, đúng tội, không oan.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo Bùi Văn Q, Trần Văn Tr, Nguyễn Đức V về việc xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo thấy:

Đối với bị cáo Bùi Văn Q mặc dù bản thân bị cáo là người không có tiền án, tiền sự; tuy nhiên chính bản thân bị cáo Q là người chủ động rủ các bị cáo khác chơi đánh “Liêng” ăn tiền, ban đầu mỗi người chơi phải góp gà với số tiền là 2.000đ một ván, sau đó Q bảo nâng góp gà lên 10.000đ một ván và cùng các đối tượng đánh bạc cho đến khi bị phát hiện bắt giữ. Việc cấp sơ thẩm xác định bị cáo Q là người khởi xướng, rủ rê và xếp bị cáo là người giữ vai trò thứ nhất trong vụ án là có căn cứ.

Đối với các bị cáo Trần Văn Tr, Nguyễn Đức V: Xét thấy ngày 13/12/2018 các bị cáo bị Công an huyện Nghĩa Hưng xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi đánh bạc, tính đến ngày 15/10/2019 (Là ngày các bị cáo cùng đồng bọn thực hiện hành vi đánh bạc bị bắt giữ) thì thời gian chưa vượt quá 12 tháng, để được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính. Vì vậy cần xác định các bị cáo Tr, V là những người có tiền sự.

Hội đồng xét xử nhận thấy, đối chiếu với quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, cũng như Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về việc hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, cho thấy các Bùi Văn Q, Trần Văn Tr, Nguyễn Đức V không đủ điều kiện để được hưởng án treo. Xét thấy mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, vị trí vai trò, nhân thân của các bị cáo trong vụ án. Vì vậy không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Ngô Văn S: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo S rút một phần nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; xét thấy việc rút một phần nội dung kháng cáo của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, do vậy được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo, cho thấy; trong vụ án này bị cáo S chỉ là kẻ đồng phạm; mặc dù năm 2013 bản thân S đã bị xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”; nhưng tính đến ngày phạm tội lần này bị cáo đã được đương nhiên xóa án tích và thuộc trường hợp được coi là không có án tích. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm bản thân bị cáo S có đơn trình bày điều kiện, hoàn cảnh khó khăn, xin được cải tạo tại địa phương, đơn có xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú của bị cáo; do vậy cần coi đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình S để áp dụng đối với bị cáo. Xét thấy bị cáo S có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình S, có khả năng tự cải tạo tại địa phương. Đối chiếu với quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, cũng như Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, về việc hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, thấy bị cáo S có đủ điều kiện để được hưởng án treo. Vì vậy cần chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo S, sửa bản án sơ thẩm cho bị cáo được hưởng án treo.

[5] Từ các nội dung nhận định trên đây, Hội đồng xét xử xét thấy, không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo Bùi Văn Q, Trần Văn Tr, Nguyễn Đức V. Vì vậy cần căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo Bùi Văn Q, Trần Văn Tr, Nguyễn Đức V. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo S, sửa bản án sơ thẩm, cho bị cáo được hưởng án treo.

[6] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận cho nên các bị cáo Bùi Văn Q, Trần Văn Tr, Nguyễn Đức V phải nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm. Do kháng cáo được chấp nhận cho nên bị cáo Ngô Văn S không phải nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (Đối với các bị cáo Bùi Văn Q, Trần Văn Tr, Nguyễn Đức V). Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (Đối với bị cáo Ngô Văn S).

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Bùi Văn Q, Trần Văn Tr, Nguyễn Đức V và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 290 Bộ luật Tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn Q 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Bị cáo được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 16/10/2019 đến ngày 25/10/2019.

Xử phạt bị cáo Trần Văn Tr 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Bị cáo được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 16/10/2019 đến ngày 25/10/2019.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức V 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Bị cáo được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 16/10/2019 đến ngày 25/10/2019.

2. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Ngô Văn S, sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Ngô Văn S 07 (bảy) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Nhưng cho hưởng án treo, với thời gian thử thách là 14 (Mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Bị cáo đã bị tạm giữ (Từ ngày 16/10/2019 đến ngày 25/10/2019).

Giao bị cáo cho UBND xã N, huyện Nghĩa Hưng giám sát, giáo dục. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo, cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án Hình sự từ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ Điều 135 BLTTHS năm 2015 và Nghị Quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Các bị cáo Bùi Văn Q, Trần Văn Tr, Nguyễn Đức V mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TA-CA-VKS huyện Nghĩa Hưng;
- Chi cục THADS huyện Nghĩa Hưng;
- Các bị cáo;
- Lưu HS, VP.

(Đã ký)

Vũ Hà Nam